|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1.a | Đồ thị của hàm số \[y = \frac{{{x^2} - 5x + 6}}{{{x^2} - 4}}\]có tiệm cận đứng là |  |
|  |  |  |
| 2.A | \[x = 2\] |  |
| 2.B | \[x = - 2\] |  |
| 2.C | \[x = \pm 2\] |  |
| 2.D | \[x = 1\] |  |
| 3.Đáp số | C |  |
| 4.Đáp án |  |  |
|  |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.b | Cho hàm số\[y = \frac{{2x + 3}}{{x - 2}}\] . Khẳng định nào sau đây là đúng |  |
| 2.A | Hàm số luôn đồng biến trên từng khoảng xác định |  |
| 2.B | Tập nghiệm của hàm số là R |  |
| 2.C | \[\min y = - \frac{3}{2}\] |  |
| 2.D | Đồ thị của hàm số có TCĐ x = 2 và TCN y = 2 |  |
| 3.Đáp số | D |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.c | Đồ thị của hàm số nào dưới đây có TCĐ x = 1 và TCN y = 0 |  |
| 2.A | \[y = \frac{{x + 2}}{{x - 1}}\] |  |
| 2.B | \[y = \frac{{ - 10}}{{x - 1}}\] |  |
| 2.C | \[y = \frac{{{x^3}}}{{\left( {x - 1} \right)\left( {{x^2} + 1} \right)}}\] |  |
| 2.D | \[y = \frac{{{x^2} - 3x + 4}}{{\left( {{x^2} - 1} \right)}}\] |  |
| 3.Đáp số | B |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.d | Số đường tiệm cận của đồ thị hàm số \[y = \frac{{{x^2}}}{{\left( {x + 1} \right)\left( {{x^2} - 3x + 2} \right)}}\] |  |
| 2.A | 4 |  |
| 2.B | 3 |  |
| 2.C | 2 |  |
| 2.D | 1 |  |
| 3.Đáp số | A |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.e | Số đường tiệm cận của đồ thị hàm số \[y = \frac{3}{{2x - 1}}\] |  |
| 2.A | 1 |  |
| 2.B | 2 |  |
| 2.C | 3 |  |
| 2.D | 4 |  |
| 3.Đáp số | B |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.f | Cho hàm số \[y = f\left( x \right)\]có\[\mathop {\lim }\limits\_{x \to {1^ + }} f\left( x \right) = + \infty \],\[\mathop {\lim }\limits\_{x \to {2^ - }} f\left( x \right) = - \infty \]. Khẳng định nào sau đây là đúng |  |
| 2.A | Đồ thị hàm số đã cho có một TCĐ và một TCN |  |
| 2.B | Đồ thị hàm số đã cho có hai TCĐ là các đường thẳng x = 1, x = 2 |  |
| 2.C | Đồ thị của hàm số đã cho có hai TCN là các đường thẳng x = 1, x = 2 |  |
| 2.D | Đồ thị của hàm số đã cho không có TCĐ |  |
| 3.Đáp số | B |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.g | Gọi (C) là đồ thị của hàm số \[y = \frac{{\sin x}}{x}\] |  |
| 2.A | Đường thẳng x = 0 là TCĐ của (C) |  |
| 2.B | Đường thẳng y = 0 là TCN của (C) |  |
| 2.C | Đường thẳng x = 0 là TCĐ của (C) và y = 0 là TCN của (C) |  |
| 2.D | (C) không có TCĐ và TCN là y = 0 |  |
| 3.Đáp số | D |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.h | Gọi (C) là đồ thị của hàm số \[y = \frac{{\ln x}}{x}\] |  |
| 2.A | Đường thẳng y = 0 là TCN của (C) |  |
| 2.B | Đường thẳng y = 1 là TCN của (C) |  |
| 2.C | Đường thẳng x = 0 là TCN của (C) |  |
| 2.D | (C) không có TCN |  |
| 3.Đáp số | A |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.i | Gọi (C) là đồ thị hàm số \[y = \frac{{{e^x}}}{x}\] |  |
| 2.A | Đường thẳng y = 0 là TCN của (C) |  |
| 2.B | Đường thẳng y = 2 là TCN của (C) |  |
| 2.C | Đường thẳng x = 0 là TCN của (C) |  |
| 2.D | (C) không có TCN |  |
| 3.Đáp số | A |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.k | Gọi (C) là đồ thị của hàm số \[y = x.\ln x\] |  |
| 2.A | Đường thẳng x = 0 là TCĐ của (C) |  |
| 2.B | Đường thẳng x = 2 là TCĐ của (C) |  |
| 2.C | Đường thẳng x = - 2 là TCĐ của (C) |  |
| 2.D | (C) không có TCN |  |
| 3.Đáp số | A |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.j | Gọi (C) là đồ thị của hàm số \[y = x.{e^x}\] |  |
| 2.A | Đường thẳng y = 1 là TCN của (C) |  |
| 2.B | Đường thẳng y = 0 là TCN của (C) |  |
| 2.C | Đường thẳng x = 0 là TCN của (C) |  |
| 2.D | (C) không có TCN |  |
| 3.Đáp số | B |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.l | Đồ thị của hàm số nào dưới đây chỉ có một đường tiệm cận |  |
| 2.A | \[y = \frac{{{x^2} - 12x + 27}}{{{x^2} - 4x + 5}}\] |  |
| 2.B | \[y = \frac{{{x^2} - x - 2}}{{{{\left( {x - 1} \right)}^2}}}\] |  |
| 2.C | \[y = \frac{{{x^2} + 3x}}{{{x^2} - 4}}\] |  |
| 2.D | \[y = \frac{{2 - x}}{{{x^2} - 4x + 3}}\] |  |
| 3.Đáp số | A |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| 1.m | Tìm m để đồ thị của hàm số \[y = \frac{{{x^2}}}{{x - m}}\]có tiệm cận |  |
| 2.A | \[m = 0\] |  |
| 2.B | \[m \ne 0\] |  |
| 2.C | \[m < 0\] |  |
| 2.D | \[m > 0\] |  |
| 3.Đáp số | B |  |
| 4.Đáp án |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |